

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày 8- 6-2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thương
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn- Thư ký Tòa án N dân huyện Đất Đỏ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Tùng Lâm- Kiểm sát viên.

Ngày 8 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp yêu cầu ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 4 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thị Bảo Y - sinh năm: 1987

Địa chỉ: 31/35 Ô3 khu phố H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Thế N - sinh năm: 1983

Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 11 năm 2019 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Hà Thị Bảo Y trình bày:

Nguyên vào năm 2010, bà Hà Thị Bảo Y và ông Phạm Thế N tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 28-10-2013.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N là do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, ông N đam mê cờ bạc, không quan tâm chăm lo cho gia đình, một mình bà Y phải tần tảo nuôi 3 con chung. Từ đó, vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống hôn N đi vào bế tắc và không có lối thoát, không mang lại hạnh phúc cho nhau. Từ tháng 11-2008 đến nay, bà Y và ông N sống ly thân.

Trong thời gian ly thân, bà Y sống ở Long Điền, ông N sống ở Đất Đỏ, hai bên thỉnh thoảng cũng có gặp nhau nhưng không thể hàn gắn. Ông N thường đến nơi bà Y sinh sống để chửi mắng, hăm dọa sẽ đánh đập gây nên tâm lý hoang mang, lo sợ. Nay, bà Y xác định không còn tình cảm với ông N nữa nên kiên quyết yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 03 người con chung là Phạm Hoài T, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2010, Phạm Trung T1, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2014 và Phạm Trung H, sinh ngày 26 tháng 5 năm 2018. Từ khi ly thân đến nay, cháu T và cháu H sống trực tiếp với bà Y; cháu T1 sống trực tiếp với ông N. Nay, bà Y yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi cháu T và cháu H; riêng cháu T1 thì đề nghị giao cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng: không có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Y xác định hai vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Phạm Thế N: Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết, đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng ông N đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã xác minh chính quyền địa phương về địa chỉ nơi cư trú thể hiện ông N có đăng ký N khẩu thường trú và đang sinh sống trực tiếp tại địa chỉ bà Y cung cấp. Tuy nhiên, ông N thường đi làm vắng nhà trong giờ hành chính nên không lấy được ý kiến. Về mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không rõ.

Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Đất Đỏ phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn triệu tập nhiều lần không đến là vi phạm nghĩa vụ nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng pháp luật.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Phạm Thế N hiện nay có nơi đăng ký thường trú và sinh sống tại huyện Đất Đỏ nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Bị đơn ông Phạm Thế N đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn:

Xét quan hệ hôn N giữa bà Hà Thị Bảo Y và ông Phạm Thế N trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Mỹ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 33/2013 ngày 28 tháng 10 năm 2013. Do vậy, theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đủ cơ sở xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà Y xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, ông N đam mê cờ bạc, không quan tâm chăm lo cho gia đình. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên cãi vã, đời sống hôn N không hạnh phúc và phải ly thân từ tháng 11 năm 2018 đến nay. Nay, bà Y xác định mâu thuẫn đã quá trầm trọng đồng thời không còn tình cảm với ông N nữa nên yêu cầu ly hôn.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông N nhiều lần đến hòa giải và tham gia phiên tòa nhằm tạo điều kiện để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng ông N đã không có mặt, bỏ mặc bà Y muốn làm gì thì làm điều đó thể hiện ông N không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn N của mình. Xét vợ chồng chung sống là do sự tự nguyện của hai bên, khi một bên không còn tình cảm gắn bó, không thể chung sống thuận hòa thì đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được và không thể xây dựng gia đình hạnh phúc.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Y, cho bà Y ly hôn với ông N.

[2.2] Về con chung: Bà Y xác định vợ chồng có 03 người con chung là Phạm Hoài T, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2010, Phạm Trung T1, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2014 và Phạm Trung H, sinh ngày 26 tháng 5 năm 2018. Nay, bà Y có yêu cầu giao cho bà được trực tiếp nuôi cháu T và H, riêng cháu T1 thì đề nghị ông N trực tiếp nuôi. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay, các cháu đã có cuộc sống ổn định, cháu H chưa tròn 36 tháng tuổi cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ đồng thời theo nguyện vọng của con chung. Do đó, nhằm đảm bảo quyền lợi, tránh những xáo trộn về đời sống vật chất và tinh thần cho các con chung nên chấp nhận yêu cầu của bà Y.

Về cấp dưỡng: Bà Y không có yêu cầu; ông N không có ý kiến yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.3] **Về tài sản chung, nợ chung:** Bà Y xác định không có, không yêu cầu; ông N cũng không có ý kiến hoặc yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[3] **Về án phí:** Bà Hà Thị Bảo Y phải chịu 300.000đồng án phí Hôn N và gia đình sơ thẩm. Ông Phạm Thế N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn N và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Cho bà Hà Thị Bảo Y ly hôn với ông Phạm Thế N.

2. *Về nuôi con chung:*

2.1. Giao con chung là cháu tên Phạm Hoài T, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2010 và Phạm Trung H, sinh ngày 26 tháng 5 năm 2018 cho bà Hà Thị Bảo Y trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết

2.2. Giao con chung là cháu Phạm Trung T1, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2014 cho ông Phạm Thế N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, bà Y và ông N đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn N gia đình 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:*

- Bà Hà Thị Bảo Y phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số TU/2019/0000936 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà Y đã nộp đủ tiền án phí.

- Ông Phạm Thế N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND xã Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI THẨM XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Tuyền